

PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1^o VÀ 15

Báo quán ở chùa Quán Sứ N 78 Richaud, Hanoi



Chủ-nhiệm : Nguyễn-năng Quốc
Chánh hội trưởng hội Phật-giáo
Quản-ly : Cung đình-Bính

Chánh chủ bút Phan-chung-Th
Sư cụ chùa Hàng-dờ
Phó chủ bút : Dương-vân-Hồ
Sư cụ chùa Tế-Cái

GIÁ BÁO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

MỤC LỤC

	Số trang
Một cuộc Du lịch (chi hội Phật-Giáo Haidương)	3-10
Cảm tưởng của một người xuất-gia	10-14
Một cách bảo hiểm tất cả tính mệnh và tài sản rất chắc chắn	15-20
Tu là cõi Phúc	24-27
Văn Uyên	23-24
Phương danh các vị cùng liên công đức làm chùa	20
Tây Vực-ký	31-34
Khóa-Hư giảng yếu	35-38
Cô con gái Phật hái dâu (tiếp theo)	39-42
Thời sự	43-46

TIN CÁC HỘI-VIÊN QUÁ CỐ

Mme Lê-thị-Phức, 33 Phố hàng Lược Hanoi, viên tịch ngày 31 Mai 1939.

Mme Phạm-thị-Dược, làng Kinh-tri, huyện Vĩnh biân Haidương, viên tịch ngày 27 Avril 1939.

Mme Bùi-thị-Hồ, làng Lương-trạch, huyện Vĩnh biân Haidương viên-tịch ngày 2 Mai 1939.

Mme Hà-thị-Su, xã Tuy-lộc Sơn - tây viên-tịch ngày 7 Avril 1939.

M. Khuất-văn Chương, xã Sơn - vi, huyện Tùng - biệp Sơn-tây, viên tịch ngày 16 tháng 7 năm Mậu-dần.

M. Hà đấng-Cánh, xã Tương phiến, huyện Tùng-biệt Sơn tây, viên tịch ngày 18 tháng 8 năm Mậu-dần.

M. Hạ-dăng-Tường, xã Tương phiến, huyện Tùng-biệt Sơn-tây, viên-tịch ngày 6 tháng 11 năm Mậu-dần.

Mme Hà-thị-Tuệ, 142, Phố Lê-lợi Hanoi, viên tịch ngày 6 Juin 1939.

Mme Nguyễn - văn - Phương, née Nguyễn-thị-Thuần, 8bis Phố Gia-Long Hanoi, viên tịch ngày 13 Juin 1939.

MỘT CUỘC DU LỊCH (CỦA HỘI PHẬT-GIÁO HẢI-DƯƠNG)

Chi hội Phật giáo Hải-dương tổ chức ban Diễn-kịch đi diễn các Phủ Huyện thuộc bản-hạt, mục đích để thực hành tuyên dương giáo-lý bằng cách diễn chèo cải-lương, theo phép tùy-thời thiết-giáo, xem ra cảm-hóa nhân-tâm nhiều lắm, cả đến nhi-đồng phụ-nữ cũng có ảnh hưởng, thực mạnh hơn một hội thuyết-pháp, hay là một cuộc diễn-thuyết.

.. Cụ chánh Đại-biểu Tuần-phủ tri-sĩ Trần-văn-Đại tỏ ra vui mừng và hứa với ban-kịch khi nào đi diễn tới hạt Đông-triều, tiện lối cụ sẽ tổ chức một cuộc du-lịch cho các tài-tử ban kịch đi thăm các nơi thắng-cảnh về miền Đồn-sơn, như là : Hang-son, núi Mèo, Hàm-long động. Thì ngày 15, 16 Avril 1939 vừa rồi, ban kịch đi diễn Đông-triều hai tối vừa xong, ngày hôm sau ban-kịch bắt đầu đi du-lịch Đồn-sơn. Đi hướng-dẫn có cụ nghị Tải là một vị hội-viên Phật-giáo ở hạt này rất là sốt sắng, lại có đạo-tâm.

Một đoàn xe dong duỗi trên quăng đường 16 cây số, các tài-tử còn đang mãi ngắm những bức tranh thiên-tạo thì đã qua Mạo-Khê tới Đồn-Sơn rồi. Một tin-dò Phật Giáo là cụ Bá phạm-Văn-Khang, nguyên chánh tổng Đồn-sơn đã chờ sẵn đấy để đón đoàn du-lịch một cách chân thành thân mật

Vào nhà cụ Bá nghĩ-ngơi uống nước xong thì mới 12 giờ chưa, xem ra còn đủ thì giờ đi thăm Hang-son. đoàn du-lịch liền khởi hành đi ngay. Đi bộ mất non 1 cây số thì tới bến đò. Vì cụ bá đã biết trước nên đã cho sắp sẵn một cái thuyền to có đủ cả các đồ cần-dùng, chèo sẵn ở bến Đụn. Thuyền đi thuận gió xuôi

lèo, không bao lâu đã tới Hang-son. Hang-son là một quả núi hình con rồng khai-khẩu trông xuống sông; bên kia một quả núi gọi là cồ-phượng châu sang, thực là sơn-thủy hữu tình. Hang này thờ một vị thủy-thần-tối-linh, gọi là Trạng-ba Long-vương (lốt tam đầu cửu vĩ); lại truyền rằng xưa ông Đốc-Tit đóng quân ở đây. Bên trong có một hang rất giài tối om, đốt nến đi mãi không cùng, nên phải trở ra, đoàn du-lịch đốt hương lễ bái xong, rồi đi ngắm phong cảnh. Cụ Đại Biều cảm hoài liền tức cảnh đề thơ. Thơ rằng:

Một hội một thuyền thú nước non,

Suối từ bến Đụn tới hang Sơn

Hàm rồng cửa rộng đến nguyên cũ,

Cồ Phượng non cao đá chứa mòn.

Rắn hóa còn ghi diêm thánh hiên.

Sơn in vẫn thấy tiếng thiêng đồn.

Cuộc đời giầu bề bao pheu nhỉ?

Bão-Phúc-Nham kia giầu vẫn còn.

M. Đỗ công-Chân là thư ký hội Phật-giáo H. D cũng xin phép theo vờn họa lại một bài như sau này:

Giăng vẫn chưa già núi vẫn non;

Trái bao giầu bề, Đọng hang Sơn.

Hang sâu thăm thẳm không tia sáng,

Đá mọc lở nhô chứa vết mòn.

Hiên thánh Chàng Ba bia hẳn có.

Tàng quán ông Tit tiếng xa đồn.

Này non này nước này hang đá,

Cảnh chí thiên nhiên mãi vẫn còn.

Bán giờ chiều lại xuống thuyền về bến Đụn. Tới ba sông Hang-son thì chiều tà bâng lảng bóng hoàng hôn, nào: non non, nước nước, mây mây, bực tra là

thiên-tạo hẳn tay thợ trời. Thấy cảnh chiều hôm giữa
nơi kỳ-sơn tú-thủy này quá đẹp M. Nguyễn-văn-Đông là
thủ-quỹ của hội reo lên mà ngâm rằng :

Cảnh dưới chân trời đẹp đẽ sao !

Non táy ác lặn này tia cao.

Một vùng mây tỏa phủ trăm sắc,

Mặt nước vàng gieo, sóng rạt rào

Đúng 8 giờ tối mới về đến bến Đụn, cụ Bá đã cho
người mang đèn đi đón, về đến nhà đã thấy : Sơn-hào
thức thức sẵn bày, rượu hồng đỏ chói vừa đầy một be.
Chủ khách ngồi vào bàn ăn, chén thù chén tạc, chuyện
núi chuyện sông rất là vui vẻ. Mười giờ ăn xong, tiêu
khiến tặng 2 hội lễ-lôm cơm rồi đi ngủ.

Hôm giờ sáng hôm sau, dùng điểm tâm xong, chủ-
nhân đưa khách đi thăm núi Mèo. Núi này thuộc làng
Đồn-sơn cách bến Đụn độ 1 cây số đi thuyền, chung
quanh toàn sông với núi, nào núi con Chuột, núi đồng-
thóc, núi Long-mã, (núi này có mặt Tàu láng lộ-
thiên; không biết từ đời nào, xương vẫn trắng như ngà,
lấy ra xem được), lại có núi Đê-hoa, làng này có nghề
lòm đá hoa khéo lắm đã có bày hội chợ Hanoi. Núi
Mèo trông hình như con Mèo nằm phục, đằng trước có
hang trông xuống sông, trong hang có thờ tượng Phật
Quán-âm và đức Sơn thần, bên hữu có thờ Thánh-tổ
Trần-nhân Tôn và trên vách đá có thơ của Ngài đề từ
khi Ngòi vãng cảnh.

Thơ rằng :

Đứng thốc trên sông một đọi dèo,

Trông mình như thẽ giáng con mèo ;

Đá xương, đất thịt; da xanh ngốt,

Cổ vện, hoa văn, dạ mồi meo.

Cáo thỏ hơi im rừng vắng ngắt,
 Kinh nghệ tâm bất, nước trong veo.
 Xanh tri vũ-trụ chân ngoèo vững,
 Ất hẳn nghlu thu ktn chẳng nghèo.

Và bài thơ Cụ Đại-biểu họa lại như sau này :

Giáo cảnh Đồn-sơn hỏi chủ dèo,
 Tại sao lại gọi núi con mèo.
 Khen ai khéo tạc hình vẫn vẹn,
 Ất chẳng hư truyền tiếng mèo meo.
 Đè đẹp sóng kinh ngời chót vót,
 Lấp bằng hang đá đứng treo veo.
 Còn trời, còn nước, còn non đó,
 Phên giậu trời Nam lúc hiềm nghèo.

Cụ Bá Đồn sơn P. V. K. họa lại :

Xe loan du dự trải bao dèo,
 Ngự bút ban khen một núi Mèo.
 Sắc tướng in giới, hoa sặc sỡ,
 Vẽ mình rộp đất, đá cheo meo.
 Gan lì che chở người đi lại,
 Đứng sừng ngăn giữa nước chảy veo.
 Mấy vạn nghìn năm còn trẻ mãi,
 Vẫn không suy-chuyển vẫn không nghèo.

Ông Thủ quỹ N. V. Hg. cũng xin phép họa lại một bài:

Bến Dụn bên sông đột một dèo,
 Xa trông hình núi giống thân Mèo.
 Xương pha ngấm tựa da vẫn vẹn,
 Gió thổi nghe hình tiếng mèo meo.
 Dưới bến con thuyền chèo đung-đỉnh,
 Trên đồi chủ mục sáo vi veo.

Vung vình đứng giữa kho vô-tận,

Mặc kẻ giàu sang, mặc kẻ nghèo.

Cảnh Núi Mèo được tăng thêm vẻ đẹp như ngày nay là do ở Cự Bà đã có công đúc sửa sang đường lối, xây dựng lập am, hôm ấy cụ dẫn đoàn du-lịch đi xem khắp mọi nơi, nhiều chỗ phong cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp. Lúc chủ khách chia tay, Cụ Đại Liễu ngẫu hứng tức cảnh vịnh một bài :

Thênh thênh bến Đụn một con chèo,

Chủ khách đưa nhau tới núi Mèo.

Trong động trang nghiêm hai vị tượng:

Giữa sông trôi vớt một hòn dèo.

Quan-âm am mở, hương nghi ngút,

Thánh 1ở thờ đẽ, đá mốc meo.

Giắt diu xem qua đường với bến.

Khách đi chủ lại mắt đưa theo.

Viên Thư ký cũng theo vần họa một bài:

Đứng đỉnh con thuyền nhẹ mái chèo,

Du quan khách tới viếng Am mèo.

Chung quanh trắng xóa sông cùng nước.

Sau trước xanh rì núi với dèo.

Sặc sỡ sa tróng hình vện vện.

Nghêu ngao vắng thấy tiếng meo meo.

Thu hình giấu vớt bên gan đá,

Khéo gọi mời ngon cũng chẳng theo.

Viên Thủ quỹ cũng cao hứng họa theo :

Una dung đồ Đụn chiếc thoi chèo,

Thuận lái qua chơi cảnh núi Mèo.

Lớp đá hệ sây hình mặt thú.

Hàng cây như vẽ vện lưng dèo.

Nực cười thợ tạo trêu Trần-thế,

Khéo-đặt sơn-hà giống mần meo.

Cảnh đầy người đầy thêm vẫn ỏi,

Thuyền về khách vẫn đứng trông theo.

Đoàn, du lịch từ dã chủ nhân xuống thuyền đi thăm Động Hàm Long. Lúc chia tay chủ khách vẫn còn lữ linh lưu luyến, thực đúng với câu :

« Khách đi chủ lại, mắt đưa theo ».

Chùa Hàm Long thuộc làng Tử Lạc phủ Kinh môn, đi thuyền độ ba cây số, lên bộ đi độ 2 cây số nữa thì đến chùa, chùa này là một cái hang to rộng, tượng pháp trang nghiêm, vách đá bên hữu có chỗ rêu mọc hình như 1 chiếc lá và 1 chiếc hoa sen, nhiều như đá giở xuống hình như những lăm cà sa. Phía sau có núi gọi là Chợ Giời, trên có bàn cờ tiên, thấy nhiều cảnh đẹp đáng nên thơ. Cụ Tuần đối cảnh, ngẫu vịnh một bài :

Từ-lạc vừa qua khỏi bến sông,

Cùng nhau gào cảnh chùa Hàm-long.

Non kia nhác thấy nhỏ đầu hồ,

Hang nọ xem ra mở miệng rồng.

Rêu nở hoa sen ai diềm tuyết.

Tuyết in về áo khéo hình-dung.

Chợ Giời, hang Hồ, hang Giời nữa,

Cảnh thâu thiên-nhiên đẹp lạ lùng.

Viên thư-ký theo vần họa lại một bài :

Qua núi Mèo rồi thẳng bến sông,

Tới miền Tử lạc động Hàm-long.

Non cao chót vót quay đầu hồ.

Hang rộng thênh thang há miệng rồng.

Ngào ngạt mùi hương làn khói tỏa,
Tĩnh mê hồn tục tiếng chuông dung.

Bầu giời cảnh Phát bao la thú,
Thợ Tào sậy nên khéo lạ lừng.

Mười một giờ rưỡi chưa thuyền nhỏ sào thẳng giòng
về bến Yên-lưu. Bốn giờ kém 15 thuyền cập bến liền
thuê xe ra ga Phú-thái, đáp chuyển xe lửa 5 giờ về Hải
dương. Thế là cuộc du-lịch được kết quả hoàn toàn.

Cụ lớn Tuần vịnh một bài thơ tổng cuộc du lịch như
sau này :

Cuộc chơi đã hẹn với sông dèo,
Nhân tiện vừa song mấy lối chèo.

Chợ Cột già từ đi bến Đụn.

Hang Sơn lui tới lại am Mèo.

Qua chùa Tử-Lạc hang còn đợi.

Về bến Yên-Lưu nước thuận chèo,

Bè bạn Hải-dương ai có hỏi?

— « Thanh-cao thú-vị một bầu đeo ».

Viên thư ký họa lại rằng :

Đường vào Đông-quận trái bao dèo,

Phật-giáo tuyên dương mấy lần trèo.

Tuyên diên vừa xong miền chợ Cột,

Hành trình sắp sửa tới non Mèo ;

Hang sơn thuận gió buồm dương cảnh,

Tử lạc xuôi giòng mái nhẹ trèo

Qua bến Yên-lưu về Phú-Thái,

Dừa non mấy quả sách cùng đeo.

Cuộc du lịch tuy đơn giản nhưng có nhiều thú vị
thanh-cao. Thập phương Phật tử ai có muốn đi vãn-
cảnh, chúng tôi xin mách đường lối :

- 1 Đường Phủ lại qua Đông triều Mạo-khê và bến Đụn.
- 2 Đường Hải-phòng qua đó Bình, Đồn Dẹo, Phủ Thủy Nguyên về bến Phi-Liệt (bến này đối-ngạn với Bến Đò Đụn).
3. Đường Hải dương qua Đông-triều, Mạo-khê vào bến Đụn. Cả 3 đường cùng có xe ô-tô đi tiện lắm.

Cống-Chân

Thư-ký hội Phật Giáo Hải-dương.

Cảm tưởng của một người xuất-gia

Trong nhân loại bất luận giai cấp gì. Không một ai là không có cảm tưởng đời riêng của mình, người cảm tưởng thế này, kẻ cảm tưởng thế kia. Như người ưa đời thì hiện ra cảm tưởng lạc quan; còn người không ưa đời thì hiện ra cảm tưởng bi quan, lại cũng vì do nơi cảm tưởng của người thế nào, thì đều lộ bày ra nơi hành động thế ấy.

Nên tôi cũng có mấy lời cảm tưởng về xuất-gia học đạo, gọi là đời riêng của mình phát hiện ra sau này, trong đục thế nào xin anh em có coi đến, đem lòng vô-ngại chỉ giáo lại cho. mong lắm!

Xưa nay các đức Phật không phải tự nhiên mà thành Phật, chúng sanh không phải tự nhiên mà thành chúng sanh.

Phật với chúng sanh đồng một bản-thể chơn như không hai không khác; Nhưng các đức Phật thì biết tùy thuận theo giác-tánh mà gây utơn kết quả, nênặng làm Phật tự tại giải-thoát; còn chúng sanh thì trái với giác tánh gây nhơn kết quả; nên mới làm chúng sanh ràng buộc khổ sở; vì đó nên Phật với chúng sanh vẫn đồng một tâm tánh như nhau mà chỗ thọ-dụng khác nhau vậy.

Phải biết rằng hễ gây nhưn gì thì có quả nấy, nhưn quả không sai, nên chúng sanh đã gây nhưn chúng sanh rồi, dù cho không muốn làm chúng sanh mà cũng cứ tự nhiên làm chúng sanh ; các đức Phật đã tạo nhưn làm Phật rồi, dù cho không muốn làm Phật mà cũng tự nhiên làm Phật ; cũng ví như người tĩa giống đậu, mà muốn lên giống bắp, thì nó cũng tự nhiên lên giống đậu ; còn người tĩa giống bắp mà muốn lên giống đậu thì nó cũng tự nhiên lên giống bắp mà thôi ; cái nhưn quả nó quan hệ với nhau như vậy, nên chúng sanh ở trong tam giới, hoặc hưởng thụ vui hay khổ gì cũng đều do nơi nhưn duyên kết cấu, nghiệp quả tương tằm của mỗi loài khác nhau. Bởi vậy nên tôi suy nghĩ trong kinh nói rằng : « Thân người khó đặng Phật pháp khó nghe, chúng tăng khó gặp, thiện hữu khó tìm, tin tâm khó sanh ». Bao nhiêu những điều khó khăn gặp đó, mà nay tôi gặp được Phật pháp như thế này, ấy cũng nhờ có túc duyên kiếp trước nên tôi mới biết xưa nay sẵn có Phật tánh thì lại nữa mừng nữa buồn cho mình, mừng là mừng cho mình vô-thỉ đến nay trời nổi trong đường sanh tử, chịu bao nhiêu là thân sống chết, chịu bao nhiêu là thống khổ, tưởng e không gặp được, Phương pháp gì để tu hành cho thoát khổ. May đâu nay gặp đặng Phật pháp, không khác nào như người bệnh đau lâu năm, tưởng không thể sống, mà nay lại gặp được vị thuốc cải tử hườn sanh, vì vậy mà mừng. Còn buồn là buồn cho mình thế ra lâu nay sẵn có Phật tánh, mà không biết lo trau dồi theo cái Phật tánh của mình, để đến nỗi gây nhưn chúng sanh, rồi phải làm chúng sanh mãi mãi cho đến nay ; Phải chi mình sớm biết tinh ngộ mà tu tập như đức Phật Thích-ca thì làm gì mà nay còn làm chúng sanh nữa vì vậy mà buồn. Tôi lại nghe trong kinh nói rằng : « Tất cả chúng sanh đều đủ đức tướng

trí tuệ Như-lai, và ở trong Như-lai-tạng tìm những tướng mê ngộ, sanh tử, khứ lai đều không thể đặng, nói như vậy thì đáng lẽ chúng sanh đều đã thành Phật rồi, chứ sao hiện nay dương còn làm chúng sanh, tôi nghĩ như vậy mà chưa giải quyết được, vừa may đến khi tôi nghe kinh Lăng-nghiêm Phật dạy rằng : Như-lai-tạng diệu chơn-như tánh, xưa nay thường thanh-tịnh châu biển Pháp-giới, tùy cái lượng hay biết của chúng sanh thế nào theo nghiệp phát hiện theo thế ấy.

Tôi mới rõ nguyên lai bản thể như lai tạng diệu chơn như tánh lý tất cả các tướng thì còn gọi cái gì là mê ngộ sanh tử khứ lai.

Nhưng tùy theo nhân duyên nghiệp gì thì hiện ra nghiệp ấy đủ nhân duyên thành Phật thì hiện ra thành Phật, đủ nhân duyên làm chúng sanh thì sinh ra làm chúng sanh, đủ nhân duyên mê thì hiện ra mê, đủ nhân duyên ngộ thì hiện ra ngộ. Nói tóm lại bề đủ nhân duyên gì thì hiện ra nghiệp ấy.

Như-lai-tạng diệu chơn như tánh thường tùy duyên phát hiện, nên chúng sanh học gì thì biết nấy, và lại tùy nghiệp phát hiện, nên thân tâm nghiệp dụng của chúng sanh mỗi loài mỗi khác; coi như ở trong cái vũ-trụ này thì biết, đối với nghiệp người cho là nước, mà đối với cá là thế-giới nhà cửa, đối với nghiệp người cho là như uế mà đối với các loài đi loại là đồ ăn uống, cho đến ở trong một loài người cũng khác nhau, như đồng một cảnh ngộ đối với người này thì vui thích vô cùng, đối với người kia thì như oán như thù, đồng ở trong một cái gia đình đối với người này thì sung sướng vui vẻ, đối với người khác thì buồn rầu khổ sở, nên trong kinh nói rằng : « Chơn như vô tánh, minh mọi sở dĩ tùy duyên » 眞如無性明昧所以隨緣。+

Không khác nào một thể điện, bề đủ nhân duyên địa thì đổ theo đèn, đủ nhân-duyên máy hát, thì nói theo

máy hát ; Nói tóm lại hễ đủ nhân-duyên nào thì hiện ra nhân-duyên ấy. Bản thể Như-lai-tạng-diệu chơn-như-tánh, cũng vậy, vẫn không có một tướng gì mà thường theo duyên hiện ra đủ các tướng, thường hiện ra đủ các tướng, mà không thật có một tướng nào.

Nghĩ mình lâu nay lặn lội sống chết ở trong cái tự tánh ấy, mà không trực nhận được, là vì mình trề nhĩ trên con đường tu học Phật pháp, nếu ngày nay không lo học hành theo Phật pháp, thì tướng e trăm kiếp ngàn đời cũng khó gặp đặng, mà muốn thật hành theo Phật pháp thì trước hết cần phải nhận rõ cái tự tánh của mình thế nào rồi sau tùy thuận theo giác tánh mà tu hành, thì mới chắc đạt đến cái kết quả viên-mãn, cho nên các đức Phật ở trong khi tu nhưn cũng đều làm theo như thế cả.

Làm sao nhận rõ tự tánh của mình, nghĩa là phải y theo tự tánh thế nào thì mình phải nhận ngay như thế ấy. như cái bản thể tự tánh bình đẳng viên dung, vô thì vô chung không nhưn không ngã, không thánh không phạm, không mê không ngộ, thường tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, ly nhất thể tướng tức nhất thể pháp, tức nhất thể pháp, ly nhất thể tướng, phải y theo cái tự tánh như vậy, mà khi một cái tâm chánh tín cho xứng tự tánh, phát một cái nguyện cao xứng với tự tánh ; Thật hành được như vậy, thì mới mong một ngày kia, nói niệm Phật chũng, dẹp trừ ma quân, đến trả bổa ơn, cứu giúp ba cõi.

Nói tóm lại muốn thật hành theo Phật pháp, không ra ngoài chỗ tự lợi lợi tha, tự giác giác tha, nghĩa là trước phải lợi cho mình, sau mới lợi cho người, trước phải tự giác ngộ lấy mình, sau mới giác ngộ cho người.

Hiệp lại mà nói thời ở trong khi tự lợi tức là lợi tha, ở trong khi lợi tha tức là tự lợi, cũng như nói nhưn tức là quả mà nói quả tức là nhưn vậy.

Tôi tự xét cái trách nhiệm của một người xuấ gia rất to lớn và lại khó làm cho hoàn toàn là vì nghĩ mình đã lâu đời lâu kiếp, chường nhiều huệ ỉ, nên mới sanh ra đời mặt pháp này, không biết bao nhiêu là hơn duyên khó khăn dễ làm chường ngại; cũng như người đi đường, đường thì xa, sức lại yếu, và ở trên con đường dù cái sự nguy hiểm, tương tự như một mình, không nhờ người giúp đỡ. thì khó nổi mong cho đến nơi đến chốn được, nên tôi nghĩ tôi cũng vậy ở trong khi tu tập phải nguyện cầu nhờ các đức Phật thương hộ niệm cho thì mới mong đạt đến mục đích.

Nhưng tôi lại nghĩ rằng các đức Phật không phải chỉ tu trong một kiếp đời gì mà liền đặng thành Phật, cũng phải trải qua tam tăng kỳ kiếp, tích công lấy đức mới giác ngộ hoàn toàn. Nên bao giờ bề ở nơi mê vị lên Phật vị cũng đều thế cả; Phương chi xưa nay sự thế cái gì cũng ở nơi việc nhỏ làm thành việc lớn, ở nơi số ít mà lần lên số nhiều, ở nơi chỗ không hoàn toàn mà đạt đến chỗ hoàn toàn nhưng cốt yếu mình cho phải có cái trí tiến hóa tự lập đó thôi, được như vậy dầu cho việc to tát khó khăn đến đâu cũng có ngày thành tựu, nên tôi làm tức cũng phải nghĩ cái mục đích của mình, rất khó làm nhưng miễn mình có làm là được. Dù đời này làm chưa được kết quả thì qua đời sau, cứ đời đời kiếp kiếp thật làm theo cho xứng với, tự tánh của mình, thì chắc có ngày thành công.

Tôi lại trông mong tất cả anh em đồng nghiệp cũng đều thật hành theo chí nguyện như thế đặng cùng nhau tự chỗ thế giới cùng cực đến thế-giới hoàn toàn tức là tự tại giải-thoát.

Chánh-Tri

MỘT CÁCH BẢO HIỂM TẤT CẢ TÍNH MỆNH, VÀ TÀI SẢN RẤT CHẮC CHẴN

Người ta sinh ra ở đời mỗi người có một chỉ hướng, một tính tình khác nhau, duy có lòng ham muốn danh lợi sắc dục, sống lâu dài bền lâu con cháu, phần nhiều giống nhau như một, nên xưa nay đã có bao nhiêu người lo đến tính mạng và tài sản nên lo đêm lo ngày, chạy ngược chạy xuôi thiên phương bách kế tính toán đủ đường, kết cục cũng chỉ cốt sao gây cho thành cơ nghiệp cho mình và cho con cháu mình hưởng thụ, không may xảy ra sự gì không được vừa lòng như ý, sinh ra khổ não, buồn rầu hết nỗi ngay, xét ra cũng chỉ vì cái lòng tham lam, hèn dạn, ngu-si nó sai khiến nó làm cho khổ khổ, không hề được lúc yên tâm, hề càng mong cầu bao nhiêu, khi thất vọng lại càng khổ não bấy nhiêu.

Người ta ai cũng mong sống lâu lấy dư trăm tuổi, song, nào có mấy người được như lòng sở nguyện đâu, ai sống lâu lắm được 7, 8 mươi tuổi là cố, còn cũng có người vừa oe oe tiếng khóc ra đời đã vội thở ngay hơi cuối cùng hay một vài tháng 5, 3 năm, đôi ba mươi năm chẳng hạn, mà trong khi bình sinh đó thường phải chịu những nỗi ốm đau đói rét rách rưới cùng là chồng nam vợ bắc, anh đông em tây, con chết trước cha mẹ, vợ chồng bè bạn đương vui xum họp nửa đời nửa đoạn phải ly biệt nhau, dễ lại cho nhau những vết đau thương khổ sở không biết đời nào nguôi được. Nào có mấy người được sự gì cũng vừa lòng điều gì cũng như ý đâu.

Người ta thường thấy những sự trái ngược nó cứ đem lại cho người ta luôn, nên những người hơi có trí thức hết sức tìm tòi nghiên cứu, phương pháp bảo hộ, muốn làm cho loài người tránh khỏi những

điều trái ý nên người lập ra thuyết này, kê xương lên thuyết uo, nào thuốc chữa bệnh nào bùa hộ thân nào hình nhân thế mệnh, nào công ty bảo hiểm nhân thọ, nào thuốc tràng sinh, ấy thế mà kết cục con quỉ vô thường với con ma chết nó vẫn bắt người nhanh như cái cắt. Nói ngay trong một thành phố có một số ít người mà một ngày có bao nhiêu đám ma rồi. Tìm khắp cả thiên hạ không thấy mấy người sống được 8. 90 tuổi. Cả đến người chẻ ra thuốc tràng sinh, hay bùa hộ thân, cúng thế mệnh, chủ công ty bảo hiểm nhân-thọ có lẽ rồi cũng không cự lại với con ma chết kia được, chắc cũng có ngày nó lôi kéo đi, khi đó dù có tiền của như nước, sung sướng lây giới, cửa cao nhà rộng, vợ đẹp con khôn, cho chi họ hàng thân thích nhau, yêu mến nhau đến đâu cũng không thế giữ lại được.

Có thương nhau lắm cũng chỉ đưa ra đến cửa u-hu mấy tiếng, nãn ủa một hồi là hết. Đó là nói về người thường, còn những người đặc phép thần thông cũng không tránh khỏi. Ngày xưa có 4 người cùng là anh em tu với nhau đều đặc phép thần thông đều biến hóa được cả, lại biết rõ được cả các việc đời trước đời sau, thế nào cũng hiểu thấu hết.

Có một hôm ngồi tính đến vận mệnh của mình biết là chỉ còn có 7 ngày nữa thì chết cả, liền bàn với nhau rằng : « chà ! anh em chúng mình tu hành công phu là thế, nay đã đặc pháp thần thông có lẽ nào chúng mình lại chịu bó tay ngồi chờ con ma chết nó lôi đi há chẳng là hèn lắm ư ? Vậy bây giờ chúng ta nên trốn đi mỗi người một nơi, không may nó có tìm chỉ bắt được một người chứ không lẽ nó lại bắt được cả thì không có lẽ. Bàn xong, hỏi nhau định trốn ở đâu ? Người thứ nhất nói : tôi lên giữa hư không biển hần hình tướng cũng như hư không, thì chắc nó không trông thấy, không biết đâu mà tìm.

Người thứ hai nói : tôi lặn xuống giữa bể chân không đến đất, đầu chẳng nổi lên chắc nó không thể tìm thấy tôi được.

Người thứ ba nói : tôi ẩn vào trong giữa hòn đá nói rồi lại lập đá lên lại như cũ thì chắc nói phải chịu.

Người thứ tư nói : tôi không cần phải đi đâu cả đến hôm ấy tôi chỉ ẩn vào cái chợ thật đông hàng nghìn vạn người, nếu nó có đến đâu chợ bắt được một hai người chứ tôi đã biết trước thì thế nào cũng có thể lẩn tránh được.

Ban tính xong ai ai cũng lấy làm đặc cách lắm, mỗi người chia nhau đi một nơi đến đúng ngày thứ 7 thì người ta thấy một người đạo sĩ chết ở trong chợ ai nấy đều lấy làm sợ hãi, lạ lùng lắm, vì ai cũng biết người ấy đã là người tu đắc pháp thần thông cho là không chết, nay thấy thế vội vàng đi trình báo tiếng đồn đến cả kinh thành vua biết, vua cũng lấy làm lạ bấy giờ nhân có đức Thích-Ca cũng Tuyết-pháp gần đấy, bèn đến hỏi Phật, Phật bảo đấy là mới có một người, còn ba người nữa cũng đều đắc phép thần thông song cũng không ai chánh khỏi cái chết, hết thấy sự đời là vô thường không có chi là bền vững chắc chắn cả cái thân này nó chỉ là cái thân giả hợp nên mới có ra rồi lại có ngày nó tan nát mất đi, không có ai có phương phép gì mà giữ vững mãi được, dù ở hư-không hay ở giữa bãi hồ hoặc trong núi cũng không sao chánh khỏi cái chết được, chỉ duy có người tu hành chứng được pháp thân rồi thì đời đời bất sinh bất diệt tự tại tiêu dao không còn cơ chi là sống chết nữa, cái pháp thân ấy không phải là chỉ chư Phật hay các vị Bồ tát và thánh hiền mấy tu được, hết thấy chúng sinh điều có thể tu chứng được cả, chính chư Phật cùng các vị Bồ tát Thánh hiền khi xưa cũng đều là chúng sinh như các chúng sinh khác cả.

Song nhờ ở chỗ phát tâm tinh tiến tu hành, sả thân vi đạo, theo phép tam quy « Quy Phật quy pháp quy tăng » ngũ-giới (năm điều căn bản) 1. không sát hại, sinh mệnh, 2. Trộm cắp, 3. Tà dâm, 4. Nói dối, 5. Không uống rượu, làm theo đúng mười điều lành bỏ mười điều ác thực hành chủ nghĩa lục ba-la-mật. 1. Bồ thí, 2. Giữ giới, 3. Tinh tiến, 4. Nhẫn nhục, 5. Thuyên đạt, 6. Tri-tuệ, cùng hết thấy sự gì có lợi ích cho người cho mình đều cố công gắng sức học tập làm cho kỳ được, dù khó khăn thiệt hại đến đâu cũng không hề nản lòng một chút bao giờ.

Nên biết rằng hết thấy vạn sự vạn vật trong thế gian đều có nhân thì mới có quả, không có qua một sự gì vật gì không có nhân mà lại có quả cả. Chỉ có một điều là khi giống nhân ít mà lúc kết quả thì nhiều mà thôi. Cũng như người giống một thứ cây gì, khi giống chỉ một hạt mà khi sau nó lại sinh nở ra kế tiếp nhau có tới hàng ức hàng triệu cho đến vô số không thể tính lường được, ấy sự tội phúc thiện ác cũng như thế, khi làm lành chỉ có một đời hay, một thời gian thôi mà khi đã đắc đạo chứng được pháp thân rồi thì hưởng phúc đời đời không bao giờ hết được không ai còn hủy hoại được, không bao giờ còn có sống đi chết lại nữa, mà nếu làm ác thì cũng thế, làm ác chỉ có một ít mà cứ phải chịu khổ mãi mãi, không lúc nào ngơi.

Cũng ví như một kẻ ăn cướp khi ăn cướp chỉ có một lúc, có khi không lấy của người được gì, mà lúc bị bắt bị tù tội tra khảo khổ sở không biết chừng nào. Không biết đời nào khỏi tội nghèo cùng đói khổ, vì thế nên người nào muốn đời đời xung sướng, đời đời không chết, cần phải phát tâm tu hành, làm các điều thiện, bao nhiêu điều độc ác có hại cho mình có hại cho người đều nên bỏ hết, thì sẽ nhờ cái công ph

tu thiện, cái phúc quả đó nó bảo đảm cho mình đời đời thoát khổ, đời đời sung-sướng chứng lên ngôi nát-bàn, tức là tới chốn bất sinh bất diệt, như thế mới phải là bảo hiểm nhân thọ đời đời không thể chết được, chứ còn hết thấy các pháp ở đời đều là giả hợp là bọt nước chiêm bao cả, không có chi là vững vàng chắc chắn lâu dài cả. Cha con, anh em, vợ chồng, họ hàng thân thích có duyên tụ hợp với nhau, đến khi nhân duyên hết rồi mỗi người một ngã, không khác chi lũ khách tối ngày cùng vào nghỉ trọ một hàng đến sáng ngày mai nhà ai lại về nhà ấy chứ có ai là người ở lại mãi đâu. Đó là nói về nhân mạnh, còn nói về bảo hiểm tài sản, nào tù sãi, nhà băng thành cao hào sâu, giao mác súng ống lnh tráo tuần phòng canh gác, hoặc tậu ruộng mua đất không thể ai khiêng đi được, hay là hạ thổ. Nói tóm lại tìm đủ hết mọi cách chỉ lo hao hụt mất mát, ấy thế mà không may bị cướp giặc trộm cắp lấy đi không thể giữ được, lửa cháy mất không thể giữ được, nước trôi đi không thể giữ được, vua quan lấy đi không thể giữ được, con bắt biếu lấy đi không thể giữ được. Lại còn những khi bị buôn thua bán lỗ lúc bị kẻ lừa đảo lường gạt không thể đòi lại được. Thậm chí đến lúc hơi thở cuối cùng hai tay bỏ xuôi thôi thì của đời lại phò giả đời không thể mang đi được nửa đồng, có người đem tiền vàng vụn hăm lại bị kẻ gian phi hay con bất hiếu đào của lên lấy, như thế là của cải thân thích đều đều bỏ mình hết, bấy giờ chỉ còn cái nghiệp thiện ác nó theo đi với mình, nếu bình sinh mình làm nhiều sự tốt việc hay, thì nó đưa mình tới chốn an nhàn sung sướng đề hưởng phúc, nếu mình làm nhiều sự tàn ác bất lương khi đó nó sẽ giắt mình vào những nơi ưu sầu khổ não để chịu tội, dù thân thiết như cha con với nhau mà có gặp nhau cũng không thể chịu thay cho nhau được, nếu muốn sống lâu giàu bền, ngoài những phương pháp của đức Thích-ca đã dạy quyết không thể tìm đâu

hơn được, vì ngài còn làm thái tử ngài đã cảm tưởng đến sự đời là vô thường, ngài quyết chí đi tìm đạo giải thoát ra ngoài vòng sống chết để cho mình giải thoát và giải thoát cho chúng sinh, nên ngài đã bao công tìm tòi hỏi hết các đạo. mỗi đạo tu mỗi cách, đề cầu đời sau giải thoát, đạo thì cầu sinh lên thiên đường, đạo thì cầu trường sinh bất tử vân vân, song kết cục chẳng chóng thì chầy chứ chẳng có đạo nào ra ngoài vòng luân hồi cả. Sau ngài tự suy nghĩ tu hành phát minh đạo Phật liền rõ lẽ sinh tử, khi đã đắc đạo rồi vĩnh viễn được giải thoát, đời đời bất sinh bất diệt, ngài lại xem xét khắp cả mười phương thế giới, thấy ở phương tây có một nước gọi là Cực-lạc trong nước ấy có một đức Phật tên là A-di-đà nhân dân nước ấy thuần là những người rất hiền lành mà số tuổi thọ không thể tính lường được, ăn mặc thụ dụng hãy muốn gì tự nhiên theo lòng nghĩ là có ngay, đường đất nhà cửa lầu gác cây cối trong nước hết thấy đều bằng vàng bạc và các thứ châu báu cả, nói tóm lại ở nước ấy không có qua một sự gì là không được như ý, không có qua một sự gì là trái ý cực kỳ sung sướng vui vẻ nên gọi là Cực-lạc, nói đến cách ai muốn sinh sang nước ấy, chỉ cần có bốn điều kiện: 1. cốt ở lòng chí thành kính tín. 2. hiểu biết cho rõ ràng chắc chắn, 3. thực hành tu theo như giáo lý của Phật dạy, 4. dốc một lòng cầu nguyện sinh sang nước ấy thế là đời sau được sinh sang chứ không phải lo qua một khoản phí tiền chi khác cả, sang đấy rồi thì đời đời giải thoát suốt đời ta, không bao giờ nghe thấy tiếng kêu khóc than thở ốm đau chết chóc khổ sở cùng là trộm cắp cướp giặc lừa đảo gian giảo hiểm thủ là gì; đây mới chính thật phải là nơi báo hiểm nhân thọ và tài sản chắc chắn hơn hết các băng bảo hiểm ở cõi cực khổ tức là chúng ta hiện đang ở đây, nếu vị nào không tin xin đọc nhiều kinh Phật và thực hành đúng như lời đức Thích-Ca dạy sẽ rõ.

TRÍ - HẢI

TU LÀ CÔI PHÚC

Ngồi trước cửa Phật mà nói đến chữ tu, chẳng khác gì đánh trống qua cửa nhà Sấm. Thực thế, tâm tu của đức Phật rộng như bể, công tu của đức Phật cao như non, chúng ta không sao tưởng tượng được. Quả tu của đức Phật đã cao siêu tuyệt vời, đã đại đồng phổ biến, đã vượt ra các thời đại, các thế giới.

Đức Phật đã phát minh các phép lớn trong vũ trụ, khám phá ra nguyên nhân cùng kết quả của loài người, của vạn vật. Ngài đã chải bao nhiêu kiếp tu luyện, đã tiếp thụ được các lẽ cao siêu về triết học, về tôn-giáo, dễ hiểu thấu được lẽ cùng-cực trong cần-khôn. Cho nên do đấy mà tiến tâm thân kim cương lên cõi không hư. Đường Vương-Bộ làm bài thành đạo ký nói rõ từ khi đức Phật xuất-gia : « Qua xuân Thành đềm mồng 8, nương Tuyết lĩnh tròn 4 năm ; đem lược giao lìa mái tóc, tháp ngất cung trời, bỏ áo cồn khoác áo da, thân như biển núi. Đến khi đã thành đạo, thì đức Phật như hoa sen ngoi mặt nước, muôn vẻ tốt tươi, vừng quế, ngất trên không, một màu sáng suốt. Đức Phật tu như thế mà thành đạo như thế, ta tài nào lữu hội được. Cả đến những các vị bồ-tát, các bậc cao-lăng đã từng ép mình trong chốn tự viện, trong nơi kín đáo để chịu lấy phép màu dễ ngiên cứu về trời đất, để sưu tầm chân lý mà theo gót đức Phật lên cõi tuyệt vời, những bậc ấy chúng ta cũng không sao theo sau được chút bụi.

Tuy vậy ta đã biết thờ phụng Phật, đã biết tin ngưỡng đạo Phật, ta cũng phải tìm cách tu-thân ta, để bước lên con đường tiến hóa.

1. Vậy ta phải tu luyện tâm ta — Bỏ phần thứ nhất mình đối với mình là phải tập cho biết mình, phải tập cho tự chủ được mình. Nói tóm lại là phải biết sửa mình cho thẳng tình dục. Kinh đại-thặng khởi tin

có nói « các đều hư nguy trong tam-giới, duy tâm mình
sạch ra, biết lia cái vọng tâm ấy đi, thì không có
cõi lục trần nữa ». Vậy lia được vọng tâm là tự chủ
được mình rồi. Tự chủ được mình tức là biết kiểm
điểm sự khuynh hướng của mình, biết dịch sử được
bộ thần-kích của mình. Trong tâm lúc nào cũng
điềm tĩnh, lặng như mặt giếng khơi không sóng vẩy.
Như thế tự nhiên tư tưởng mình được sáng suốt, phán
đoán của mình được ngay thẳng, biết được chạt tỵ
là cần, kỷ luật là hay, tinh-thần thẳng được vật chát
và như đời đạo lý đã gặp « Quanh mình cái sức
mạnh vô hình thẳng được sức mạnh hữu hình ». Tức
là tâm không thấy tâm vậy.

Muốn tu luyện tâm tính mà lên lên cõi đạo đức,
trước hết phải có tiết độ. Tiết độ là hạn chế sự ăn
uống, điều hòa sự thị dục. Nhất thiết không dùng
thứ gì có thể động được thần kinh, chuyển được chí
nỗ. Tức như đều giới trong kinh Phật « không được
uống rượu hay hút các thứ làm loạn tâm thần mình,
Tâm thần đã loạn thì gân thịt sinh hơi biếng, trí-
tuệ phải dần dần còn lấy đau mà thu hoạch được
nghị lực, lấy đau mà phấn khởi được tinh-thần, để
đạt tới được trình độ tinh tiến. Ấy không tiết độ
nguy hiểm như vậy, cho nên Tây-triết có câu « Trong
các cái hại cho người ta tệ nhất là cái hại vô tôn-
giáo, rồi đến cái hại vô tiết độ »

Phải biết thanh tịnh. — Vì tiết độ mà thân-tâm
thẳng được thân thể, ý chí đoạt được tinh dục, tức
là dễ tới được cõi thanh tịnh. Trang-tử có nói « viên
thanh viên tĩnh, du thần chi đình » nghĩa là cái nơi
cho tinh thần ta giống ruồi là nơi thanh tịnh ».

Chái với thanh tịnh là tả giám, là cái chỗ lực rất
mạnh, không cho ta tiến lên cõi đạo đức. Vậy tâm
dục phải nên giữ cho kỹ đừng ra ngoài giới hạn vớ

chồng để cho có ý nghĩa về gia tộc về chủng loại. Không phải những sự thực ta phải thanh-tịnh, còn phải thanh-tịnh cả tư tưởng, cả lời nói nữa.

Không nên giận dữ. - Sự giận dữ là cái nhược điểm của người ta, mà nhất là những tinh thần suy nhược; cho nên thường hay nghiệm thấy ở trẻ con, ở người già, người ốm. Người có tính hay giận dữ là đem tâm trí ra ngoài thân thể để cho vật dục sai khiến được. Giận dữ lại là một cái hại nữa là khiến cho người căm tức; thành ra thù oán. Vậy ta giữ sao cho không hề thoát ra những lời chửi rủa, những câu thô tục. Phải chừ khử cho bụng mình không thù hằn, lời nói mình không khinh bạc cùng ai. Thù hằn chủ khác nào như cái vòng tròn tự mình ra, rồi lại trở lại mình, cho nên lời xưa đã giảng: « oang gia nghi giải bất nghi kết ». Vả lại thù hằn thù người mạnh hơn mình, thì là mình đại, mà thù người yếu hơn mình là mình hèn, cho nên người ôn hòa dạy tu luyện tâm trí không thù ai, mà cũng không gây ra thù. Cái mối hay gây ra thù là lời nói khinh-bạc, là cái biểu hiện của người không tự biết mình. Mình có chút điểm hơn người đã tự lấy làm thần thánh mà buông câu bài bác người. Ta nên nhớ rằng thói khinh-bạc đối với quân-tử, thì tổn mất đức ta, thói khinh-bạc đối với tiểu-nhân thì hại đến thân ta. Cho nên tu tâm phải lấy chung hậu làm cốt.

Tu luyện thân thể - Tu tâm đã vậy còn phải tu luyện thân thể, tức là phải ăn ở cho thanh khiết và hợp sinh lý. Theo đạo lý của Tây-triết, thì người ta có ba phần. Một là thần trí, hai là tinh lực, ba là thể chất. Ba nguyên tố ấy phải đồng thời phát đạt, thì cá-nhân mới có thực lực tinh tiến. Tiên về mặt nào, tức phải chệch lệch về mặt ấy. Vì như một người tinh thần rất mạnh mẽ, mà thân thể yếu đuối, tất năng lực không thể phát triển được mà đến nỗi trụy lạc. Một người khác thiên trọng về thể

dục, còn trí dục thì hững hờ, cũng thành trụ lạc nổi. Cho nên nhà đạo đức chân chính phải vừa là ông giáo sỹ cho tinh thần vừa là ông y-sỹ cho thân thể. Tất phải có tinh thần cường tráng trong thân thể khỏe mạnh. Muốn khỏe mạnh, thân thể cốt phải bổ dưỡng, nghĩa là phải cung cấp những đồ ăn uống cần dùng. Cần dùng nghĩa là không nên thái quá, hay bất cập, không nên dùng những thứ cao lương quá.

Cứ theo như kinh Phật giảng: « Không nên tàn sát, không nên ăn những thức có thể làm loạn tính » thì ta không nên ăn thịt nhiều, không nên uống rượu nhiều. Uống rượu nhiều tất là loạn tính; ăn thịt nhiều tất kích thích thân thể, tất sinh ra các bệnh đau ruột, mà lại phạm vào tội tàn sát sinh vật.

Theo như thuyết luân hồi thì linh hồn của ta, linh hồn của các người thân thuộc ta, vì lẽ báo ứng về tội lỗi kiếp trước có thể thác sinh vào các giống vật. Như vậy thì giết hại súc sinh, có khi là giết hại kẻ thân thuộc mình.

Theo thuyết thoái bộ luân hồi thì phạm các giống, giống nào cũng có thể thoái bộ, nhưng chỉ trong giống mình thôi, chứ không phải đã làm người mà kiếp sau lại làm vật Song người ta mà phạm tội lỗi, tội kiếp sau phải chịu nhiều điều cực khổ, để chuộc lấy kiếp cũ mà tạo lấy kiếp mới cho hay hơn. Cho nên đạo Phật khuyên đừng sát sinh là rất có thâm ý như thế này: Phạm những giống động vật là giống có trí tuệ, có cảm tính, đều hãm hồ liễu hóa cho tới cõi Thượng-Đế. Chúng ta xưa kia cũng đã chải qua cả rồi mới tới trình-độ làm người, cho nên đối với giống nào ta cũng phải nhân từ bác ái cả. Cách bổ dưỡng thân thể không hay dùng thịt ấy, các dân tộc văn-minh đời nay cho làm lạ lùng, hiện có từng hàng triệu người như các vị lãng ni, các nhà tu kín vẫn sống theo cách đó. Những hạng người ấy thường được

thần thể tinh thần tráng kiện hơn những người ở nơi Thành-thị hay ăn thịt cá nhiều.

Tu luyện tâm-trí, bỏ dưỡng thân thể là nghĩa vụ về cách tu của người thượng ta. Nhưng muốn cho nghĩa vụ có căn cứ trước hết ta phải kính Thượng-Đế, thờ phụng Phật thánh Thiếu việc ấy thì không lấy gì làm phương châm mục đích ở đời, không sao quan niệm, hành động cho hợp lẽ công bằng. Không có ulla ngưỡng làm cốt yếu thì rầu có tu tâm luyện tinh cũng chỉ như một người mới đi một con đường chưa từng biết mà định đến một nơi chưa từng qua. Như thế thì trong lòng lao đao mà bước chân không được chắc chắn. Sách đại-thặng khởi tin có kể chuyện một người đi ở nước Yên, sang làm ăn ở nước Sở. Đến khi già bán quốc thì đi qua nước Tần. Người cùng đi đánh lừa mới đi vào thành nói rằng : thành nước Yên đây, người kia biển sắc mặt ; lại chỉ vào một xã nói rằng : làng anh đây, người kia bông thở giải ; chỉ vào một nhà bảo rằng : đây là nhà của tiên-nhân anh đây, người kia ngáp ngừng, nước mắt chảy quanh. Người cùng đi phá ra cười nói rằng : « ta nói dối đấy, đây là nước Tần chưa phải nước Yên ». Người kia đỏ mặt thẹn.

Người vô tôn giáo cũng tựa tựa như vậy, biết đi thì cứ đi chưa biết đã tới chưa, biết làm nghĩa vụ thì cứ làm, chứ không có quan niệm gì thiết yếu, trong đời chỉ chìm đắm trong cõi hồ nghi. Người có lòng muốn sửa mình lên đường tiến hóa, mà không có tôn-giáo, không biết là người Trời Phật chờ-ngại đến hạnh phúc như vậy, hưởng chỉ những phách vô thần, phách duy vật thì trái ngược là đường nào ?

Theo phách duy vật, thì tạo hóa là sức mạnh vô tri cầu tạo ra vạn vật rồi lại phá hoại đi, không có mục đích gì cả * Trượng sinh hoạt là cuộc ngẫu nhiên

người ta sử dĩ sinh ra là bởi những cơ hội thặng lại cả. Chỉ có cái đời hiện tại, cái đời có hình thể rõ ràng ra đó là có thực mà thôi. Đời ấy rút lại chỉ là một quãng ý thực ngắn ngủi ở giữa quãng mang mang. Cá nhân tự chốn hư vô mà sinh ra, rồi lại diệt đi vào chỗ hư vô. Người hiền, kẻ bất tiện cũng là say đắm trong cái vực vô-đề ấy cả. Phạm sự nghiệp của người là do tiền định về vật chất cả, còn như thân thể người thì ví như một cái máy tự nhiên phần động, cái máy tư-tưởng, cái máy âm thực sinh sản, cái máy tác dụng một cách thế nào cho được khéo nhẹt ft mà khoái lạc nhiều, chứ không có mục đích gì nữa.

Cách hành động đề-liệt thế thì tất là tạo ra một cái luân-lý hèn kém mà thôi. Đã gọi là luân-lý mà không có đứng chủ trương tuyệt đối, không có quyền thưởng phạt sau này thì phỏng còn có oai lực gì nữa, mà những người trong tâm chí chỉ nuôi cái tư-tưởng tiêu cực như thế thì ra đời thế nào hành động cho mạnh bao được, thế nào cho có đủ sức tự tin, có đủ lòng nhiệt thành để tự hi sinh mình đi mà làm những việc nhân từ, bác ái, để theo những điều-luật bắt buộc. Cớ khuyên người ta nên làm nghĩa-vu nhưng nếu cái quan niệm cốt-yếu về nghĩa vụ ấy không thống thuộc vào nguyên-lý cao-thượng nào, vào cái chủ ý dù có sức mạnh làm mệnh lệnh cho người ta được, thì rút lại vẫn là đề chủ-nghĩa vị-kỳ tự do hoàn hành. Cuộc đời như thế khác gì cuộc đồ đen. Cá nhân không biết nghĩa liên lạc với tạo vật cũng người đồng loại mình, thì còn hèn lẽ sinh tồn làm soa, có tinh tiến thế nào.

Luân lý của cá nhân đã khiếm khuyết như thế, thì luân lý của công chúng là gồm cái sức tinh tiến của cá nhân cũng phải khếm khuyết. Không còn có quan-niệm gì về trật tự đẳng cấp và nghĩa vụ; trí, thức, đạo đức của thiên hạ cũng không lấy làm trọng. Kẻ nào có thì

đục của kẻ ấy, không có chủ trương, thống nhất gì cả. Liệt có Trời, Phật, có thầy, có lòng in, có lễ phép gì cả.

Đến khi nghiệp ác đã chất đầy tất sảy ra những cuộc tai biến, như dịch lệ, cách vận hành biến tranh để rửa tội cho loài người. Đến khi khổ cực rồi mới quay đầu về lý tưởng cũ.

Xem như thời cụ ngày nay Trung-hoa cùng Nhật-bản. Nhật-bản phú cường như thế, văn minh như thế, mà vẫn giữ vững tôn giáo, tôn sùng đạo Phật cho nên được sung hùng trong cõi Á-đông Trung-hoa vừa nơi cải cách được mấy năm giờ, đã vội sừng lên thay thế tuyệt đối bành đảng, phá hủy nơi thờ tự, bỡ hững tôn giáo. Trong nước họ có người cai quản, khó có người phục tòng nữa. Nạn chiến tranh ngày nay ở Trung-hoa thảm khốc như thế, biết đâu không phải là thiên khèn đẩy du? Cho nên giám nói rằng loài người nếu không có gốc tôn giáo, không tin ở đấng tuyệt đối, thì không sao có luân lý, không sao có sự nghiệp gì nữa.

Các liệt vị giáo hữu đã đến đây lễ Phật, chắc trong tâm trí hẳn một nỗi tin ngưỡng thâm trầm. Mỗi tín ngưỡng ấy dạy cho ta biết rằng hết thảy người ta, hết thảy vạn vật đều là con một nhà cả, cùng là con trời con Phật cả, và đối với mọi người mọi vật trong lòng ta đây một mối thương yêu. Cũng lại nhờ mỗi tín ngưỡng ấy mà ta biết hết lòng làm phúc, biết giúp đỡ người của về việc làm chùa, để đạo Phật ngày một phát đạt, tôn giáo ngày một vững vàng. Tôn giáo tức là gốc việc tu, mà cái thang tiến lên đến cõi Trời cõi Phật.

Vũ-đụy-Hoán

(Trưởng giáo trường Gia-quất Bắc-ninh)



VAN UYEN

GIỚI THAM

X Năm điều răn trước cửa già-lam,
Phật đã ân cần một chữ tham,
Dạ muốn vô cùng khuyên phải giữ,
Tiền liêu hữu hạn giãn đừng ham,
Tham mỗi cá mắc cần câu dặt,
Tham thốc chim vào giữa lưới giam,
Ai muốn tránh qua miền địa-ngục,
Vững lòng ngay thẳng chớ tham-lam.

GIỚI SÁT

X Phật dạy ăn chay, dạy phóng sinh,
Rán người sát hại những sinh-linh,
Chớ đem chim cá hoại thân nó,
Dừng lấy châu dè xirông miệng mình,
Tiếng nọ ầu sầu nghe sót ruột,
Giống kia rên xiết nghĩ thương linh,
Vất đao thành Phật còn gương sáng,
Theo đạo từ-bi nhận lấy kinh.

GIỚI THẬU ĐẠO, TÀ DÂM

X Khuyên nhau tu-linh lại tu-lâm,
Ghi nhớ lời răn đạo với dâm,
Gian-giảo đừng quen làm mách quẻ,
Giảng hoa chớ có nghĩ âm thầm.

Làng giai trung tin sao cho vẹn,
 Phận gái đoan trang giữ kẻ nhàm.
 Đôi chữ sắc, tài không vướng vil.
 Mới là theo đạo đức Quán âm.

GIỚI TỬU

↳ Nói cần, làm bậy bởi ma men,
 Giới tửu ai rằng chuyện nhỏ nhen.
 Miệng chớ le be hồn lất trác,
 Tinh chừa ca-cách giọng phong-len.
 Hay dàu mượn chén chặm người ghét,
 Đừng mãi mềm môi một thói quen.
 Giọt nước cam-lồ mợ mát ruột,
 Mấy người chè rượu ai khen.

GIỚI VỌNG NGŨ

↳ Nhời ăn tiếng nói phải ôn-hòa,
 Phạt vẫn răn người giữ nề-na.
 Chừa thói nở mồm câu bỗ lão,
 Chớ điều múa mép giọng con ma.
 Huyền-thiên xá kẻ anh bần nhảm,
 Độc-địa hay gì kẻ nói ngoa.
 Quy trước Phật tiên xin thụ giới,
 Nam mô vô lượng niệm di-đà.

Hành-giang tử Nguyệt-Hiền

Đỗ ngọc-Bá

QUI TINH PHƯƠNG DANH CÁC VỊ
CÔNG ĐỨC ĐÃ CUNG VÀO VIỆC LÀM CHỮA
TRUNG - ƯƠNG

Mme Kim-thị-Ngọc-thiện Sơn-tây	2\$00
M. Cát-văn-Lam, Cư-sĩ Sơn-tây	3.00
M. Trầu-trọng-Kiên, cư-sĩ Sơn-tây	1.00
M. Đào-văn-Bút, giáo-học hưu-tri Sơn-tây	5.00
Mme Ngân-thị-Cánh, xã Truy-lạc, Sơn-tây	0.20
M. Hạ-văn-Lữ, xã Truy-lạc, Sơn-tây	1.00
Mme Khuất-thị-Mến, xã Truy-lạc Sơn-tây	0.20
Mme Nguyễn-thị-Trực, xã Chung-thuận Sơn-tây	0.50
Mme Nguyễn-thị-Trà, xã Cung-thuận Sơn-tây	0.20
Mme Nguyễn-thị-Uyển, xã Cung-thuận, Sơn-tây	0.30
Mme Nguyễn-thị-Hoan, ở thôn Xả Sơn-tây	0.10
Mme Khuất-thị-Loog, ở thôn Xả Sơn-tây	0.30
M. Thiêm-văn-Trưở g, ở thôn Xả Sơn-tây	0.10
M. Khuất-văn-Uông, ở thôn Xả Sơn-tây	0.20
Mme Nguyễn-thị-Nhân, ở thôn Xả Sơn-tây	0.10
M. Khuất-văn-Cần, ở thôn Xả Sơn-tây	0.10
Mme Khuất-thị-Thiếp, xã Thanh-phồn, Sơn-tây	0.50
M. Thiêm-văn-My, xã Thanh-phồn, Sơn-tây	0.10
Mme Nguyễn-thị-Kiến, xã Thanh-phồn, Sơn-tây	0.30
Mme Nguyễn-thị-Nhân, xã Thanh-phồn, Sơn-tây	0.20
Hệu An-phú, 4 B — Phố hàng bông Hanoi	1\$00
Mme Bình, 155 Phố hàng bông Hanoi	0.10
Mme Khuôn, 177, Phố hàng bông Hanoi	0.50
M Nguyễn-văn-Bình đit Phúc-lợi 92, Phố hàng bông — Hanoi	5.00
Mme Nghĩa-lợi, 67 Rue du chanvre Hanoi	0.50

(còn nữa)

TÂY - VỤC KÝ

Pháp-sư thưa rằng : « Chúng sinh mê hoặc đã lâu, phi tri-tuệ không mở mang ra được, mà vun đắp mầm tuệ, thì lại cốt ở pháp, mà hoàng pháp bởi người, thì việc độ cho tăng lại là cần nhất (tức chấn chỉnh tăng già). Vua nghe nói liền cho tính số chùa cả trong nước, được 3716 ngôi, rồi lần lượt độ các tăng ni được 18500 người. Xưa kia chùa chiền đồ nát tăng lữ rời rạc, đến đó lại thấy rực rỡ chang nghiêm, thực là nhờ công đức của Pháp-sư vậy.

Vua lại hỏi Pháp-sư rằng : Trẫm xem kinh Kim-cương bát-nhã nói rằng : kinh ấy là kinh xuất sinh ra chư Phật, ai nghe mà không báng bỏ, thì công đức to hơn cả cái công đức bố thí thân mạng, bằng hà sa số châu báu cũng không bằng được, gia gì kinh ấy nghĩa lý huyền-vi, lời văn giản ước, cho nên các bậc hiền-đạt quân-tử phần nhiều đều ham thích tu-trì không biết những bản dịch trước có được hoàn-toàn không ? Pháp-sư thưa rằng : « Công đức của kinh ấy, quả đúng như thành chỉ, người bên Tây-phương, cũng đều kính trọng cả Nay xem như bản kinh dịch cũ cũng có sót mất một đôi chút, cứ như bản phạm thì tên kinh phải dịch là « Năng đoạn Kim-cương bát-nhã ». Nghĩa là Bỏ-tắt cho sự phân biệt là phiền não, mà cái hoặc phân biệt ấy nó rắn như Kim-cương chỉ có cái tri-tuệ không phân-biệt ghi đủ ở trong kinh này là có thể đoạn trừ được, cho nên gọi là Năng-đoạn Kim-cương bát-nhã, xét như thế thì đủ biết bản cũ là mất hai chữ trên thực ; lại như ở dưới thiếu bốn câu kệ, và ba đoạn như-thị nữa.

Vua nói : Pháp-sư đã có bản kinh chữ Phạm, nên dịch hẳn lại, khiến cho chúng sinh được biết đủ lẽ. Kinh chỉ cốt li đây đủ, bất tất chang sức văn

từ mà làm trái nghĩa. Pháp-sur váng lòi, dịch lại bản Kim-cương và đặt tên là Năng-doạn Kim-cương bát-nhã.

Năm Canh-ngọ, vua Thái-tôn mất, Pháp-sur lui về chùa Từ-ân, từ đó trở đi, chỉ chuyên một việc dịch kinh, không bỏ phí một chút thì giờ nào. Hằng ngày lập thành chương trình, ban ngày làm ktông đủ thì đêm phải làm bù, qua sang canh hai mới dừng quần bút, lại lễ Phật hành đạo cho đến canh ba mới tạm nghỉ, canh năm đã dấy, đọc tụng phạm văn, chấm son đánh giấu, định đề ngày mai phiên dịch. Mỗi ngày thụ trai rồi, hai buổi sớm tối, dâng kinh luận mới, các sư các nơi, có điều gì ngờ, cũng tìm đến hỏi, lại như trong triều, có các việc về kinh pháp chùa chiền, cũng hỏi đến Pháp-sur. buổi tối, trong chùa có hơn trăm đệ-tử học, trong chùa ngoài hiền, lúc nào cũng đông nghịt những người đến bạch hỏi, Pháp-sur đều giải đáp rõ ràng, không bỏ sót một người nào, tuy muốn việc bận bề, mà thần khí vẫn ung dung nhàn nhã, vẫn cùng các đại-đức nói nghĩa các kinh sách thánh hiền bên Tây, cao đàm hùng-luận, suốt ngày suốt đêm, không thấy tỏ một chút gì là đáng mỏi mệt cả. Các quan công khanh trong triều, đến hỏi đạo tập nập, Pháp-sur tùy cơ chỉ dẫn, người nào cũng phát tâm mô đạo, tỏ hết cái linh kiêu sa.

Ngày mồng một tháng riêng năm Hiền-khánh thứ rằm; Pháp-sur mới bắt đầu khai dịch bộ kinh Đại-bát-nhã. Kinh này Nguyên bản phạm có hai mươi vạn bài tụng, văn nghĩa bát ngát, các tôn đồ đều xin Pháp-sur tạm thuận ý chúng, mà san bớt chỗ trùng điệp, như lối dịch của ngài Cưu-ma-la-thập. Mới toan như thế rồi trong đêm hôm ấy, liền thấy những triệu chứng rất sợ hãi; lúc thì thấy đi trên chiếc thuyền sắp đắm, trôi trên ngọn núi treo leo, lúc thì thấy các loài

ác thú vồ bắt người, sợ vuốt mồ hôi, cổ chạy mới thoát, tỉnh dạy thuật chuyện lại chúng nghe, và cứ y nguyên văn mà dịch, đêm hôm ấy lại thấy chư Phật Bồ-tát, phóng hào quang ở khoảng lòng mây ra chiếu rọi vào mình. Lại thấy chính tay mình cầm hoa cầm đèn lên cúng dâng chư Phật, hoặc lên trên tòa cao thuyết pháp cho chúng nghe, đại chúng xúm xít xung quanh tán thán vui vẻ, tỉnh dạy rất là mừng rỡ không dám sao bỏ một chữ nào nữa. Nguyên bản kinh này Phật nói ở bốn chỗ, một là nói ở trên núi Linh-thứu trong thành Vương-xá; hai là nói ở vườn ông Cấp-cô-độc; ba là nói ở cung trời tha-hóa tự tại; bốn là nói ở Chúc-lâm tinh-xá, tổng cộng là 16 hội, hợp làm một bộ. Pháp sư kiếm được ba bản ở bên Tây-vực, cho nên lúc dịch, bề chỗ nào có ý ngờ vực, thì đem cả ba bản ra so sánh để dịch lấy nghĩa đúng, xem xét kỹ lưỡng, tra-khảo tinh-tường, rồi mới cầm bút viết ra. Tâm lòng cẩn thận, thực là xưa nay chưa ai xán tỵ. Khi gặp một đoạn văn nào, ý chỉ huyền-vi mà có ý chù-chừ, thì lại thấy cảnh lạ, dường như có người chỉ điểm cho, liền hiểu biết rõ ràng, như vạch mây thấy mặt trời, cho nên pháp-sư thường bảo rằng: « Những chỗ giác-ngộ như thế là nhờ chư Phật Bồ-tát gia hộ cho, chứ cái lòng nóng nổi của tôi hiểu làm sao được ».

Hội đầu kinh này có một phẩm gọi là nghiêm-tịnh-Phật-độ-phẩm. Trong phẩm ấy nói rằng các bậc đại-bồ-tát vì kinh bát-nhã; cho nên lấy thần thông nguyện-lực, đem hết các thứ hương hoa đồ ăn đồ mặc và âm-nhạc ọc kì quý báu mà cúng dâng châng nghiêm nơi thuyết-pháp. Đêm hôm đó thì ngài trụ-tri chùa Ngọc hoa là Tuệ-đức và vị tăng giúp việc phiên dịch kinh là ngài Gia-thượng cùng năm mộng phẩy trong chùa Ngọc hoa cũng đây gồm vóc, châng phan bảo cái cầm la liệt, treo đèn kết hoa, cực kì trang-nghiêm, trong không có tiếng âm nhạc vang rền, lại thấy không biết bao nhiêu là Tăng

chúng, tay cầm hoa cầm phan, cùng lại cùng dâng kính Đại-bà-nhã. Các đường lối trong chùa đều căng phủ gấm vóc, trên mặt đất rắc đầy những hoa quý lạ, chúng cùng đi lên trên hoa mà đến thẳng viện kinh trong viện lại càng chang ngời rực rỡ hơn cả, y như lời trong kinh nói. Lại thấy trong viện có ba lớp giảng đường, Pháp-sư ngồi ở nhà giữa, đang diễn giảng kinh pháp, nghe đến đó thì vui mừng khôn xiết mà lĩnh dạy, đến hầu pháp-sư, kể lại câu chuyện trong mộng cho pháp-sư nghe. Pháp-sư nói: Chính hôm nay thì dịch đến phẩm ấy, nên các bề tát mới lại cúng dâng. Các sư nằm mộng như thế, thực càng đáng tin lắm vậy. Bấy giờ bên điện có hai cây nài chưa đến mùa nở hoa mà cứ nở hoa luôn mà cái hoa nào cũng đủ sáu cánh, trắng đỏ đủ mùi, tươi đẹp lạ thường. Chúng cùng bàn rằng: đó tức là các điểm hoa bát nhã lại nở mà hoa nào cũng có sáu cánh, tức là biểu hiệu sáu phép ba-la-mật. Khi Pháp-sư dịch đến kinh bát-nhã, thì thường thường lo nỗi vô-thường mà bảo chư tăng rằng: Huyền-trang năm nay đã sáu mươi năm tuổi, tất là chết ở chùa này, mà bộ kinh này lớn quá, chỉ e không kịp, mong rằng các sư không từ lao-khò mà chăm chỉ giảng cho». Ngày 23 tháng mười niên biểu Long sóc thứ ba thì thành công tuyệt bút, công thành sáu trăm quyển, nhan là kinh 'Đại-bát-ôbã. Pháp-sư hoan hỉ chấp tay bảo đại chúng rằng: « Kinh này có duyên với đất Hàn, Huyền-chang được tới chùa Ngọc-hoa này cũng là nhờ sức của kinh cả, chứ như trước kia ở kinh, nhiều duyên sự lôi kéo, làm sao cho xong được. Nay được thành công, thực là nhờ ơn Phật gia-ơn, long-thiên ủng hộ, kinh này thực là một bảo-điền chấn-dịnh quốc-gia, là của báu lớn cả nhân thiên, các ngài đều nên vui mừng đi ». Bấy giờ trong chùa làm tiệc ăn mừng, sửa chai cúng dâng. Hôm ấy thỉnh kinh từ điện Tác-thành sang điện gia-thọ là chỗ trai-duơng.

KHÓA HƯ GIẢNG YẾU

H Á N

TỨ SƠN

Tứ sơn giả tử tướng già. Bệnh chi đi đốc, mệnh nữ cáo chung. Cũ linh ki hưởng ư bách niên, thân thể phiên thành ư nhất mộng. Thông minh duệ trí, nan đảo đại hạn nhật lai; Dũng lực uy hùng, khởi cự vô thường thời đảo. Trình thể thuận thuận, phiên thành đặc địa chi bi; Cung đệ hữu huynh, cự tác chung thiên chi biệt. Phấn thân phác địa, toái thủ hào thiên. Điều tường quảng vũ giả hề vi, tích ngọc đòi kim nhi hà dụng. Già dài u yếm, không vấn sóc xuy suu sru; Tuyền hệ trắng quynh, dân kiến sâu vấn thăm thăm. Nhân chi tử tướng, tuệ nữ đồng thời, Kiển khôn ứng thái-tử nhi chu, nhật nguyệt hưởng huyền hiên nhi hội. Âm tình cực thịnh, nhất thiên vũ tuyết cánh phản phi, dương khí tiềm tiêu, bát thủy ngưng ba tăng lẫm liệt !

KỆ VIẾT

Bưởi dâng cuồng phong quát địa sinh.

Ngư ông túy lý diểu chu hoành,

Từ thù vãn hợp âm mai sắc.

Nhất phái ba phiên cổ động thanh,

Vũ cực chận thời phiêu lịch lịch.

Lôi xa luân truyền nộ oanh oanh,

Tạm thời trần liễm thiên biên tịnh.

Nguyệt lạc trường giang giả kỉ canh.

VIẾT

TỪNG NÚI THỨ TƯ

Tùng núi thứ tư, vi như tướng chết. Bệnh ngày càng nặng, mạng sẽ lia trần. Già nua những hạn tuổi trăm năm, thân thể lại thành ra rã mộng. Thông minh khôn giỏi, lánh sao đại hạn có ngày; Mạnh khỏe oai hùng, khôn trốn vô-thường nộ lôi. Vợ trình hầu thuận, trở nên độc địa thăm thương; Em kính anh nhường, phút đã trọn đời cách biệt. Vật mình lán đất, đập sọ kêu trời. Tường hoa nhà rộng có làm chi,

kho bạc đồng vàng vô dụng hết. Giạ-dải khép kín, luồng nghe gió bắc vi vèo ; Tuyền-hồ đóng chán, chỉ thấy mây sâu nghìn ngút. Trường chết người đó, ví như mùa đông. Trời đất cũng thái-tuế hết vòng ; nhật nguyệt tới huyền-hư hội hợp. Âm tình cực thịnh, một vùng mưa tuyết xuống tới bờ ; Dương-khi dần tan, tám nước giọt băng thêm lạnh lẽo !

KỆ RẰNG

Mặt đất giông cơn gió thổi cuồng.

Ngư ông say lịt thả thuyền ngang,

Bốn phương mây phủ màu đen kịt.

Một giải sông reo liếng sóng cuộn,

Chuyến vận ý-âm xe sấm động.

Tóc tung sấm sập chạ mưa luôn,

Tạm thì bụi cuốn bên trời lạnh.

Đêm vắng sóng trường bóng nguyệt xuống.

(Đại ý đoạn này nói rõ cái tướng chết của người ta. Bệnh ngày nặng thêm, chữa không thấy bớt, dần dần cho đến chết, bấy giờ nghĩ lại cái lúc xưa kia, những tưởng trăm năm trường thọ, có hay đâu thân thể lại thành như rác mọng. Thông minh khôn giỏi, mạnh khỏe oai hùng, cũng không thoát khỏi hai chữ vô-thường ! Than ôi, cái thân đã lia bỏ cõi trần, thì vợ trình hầu thuận, anh kính em nhường, dù vật mình lăn đất, đập sọ kêu trời, cũng không sống lại được, mà vàng kho thóc đụn, gạc tía lâu son, cũng là vô dụng hết. Bấy giờ chỉ còn có một cảnh âm thầm trong chốn địa ngục âm ty, tối như đêm giầy như đất, mây sâu gió thẳm, khổ biết là nhường nào. Phải biết cái tướng chết của người ta, nó cũng như mùa đông: trời đất xoay vần, hết vòng thái-tuế, mặt trời mặt trăng, tới âm hội hợp, khí âm thịnh quá, khí dương suy vi, cho nên đầy trời tuyết phủ, nước giót thành băng, hiện ra các cảnh rét rá huôn thắm, cho hay cái quang cảnh chết của người ta, nó thế thế thắm thắm, nó truyền-động hải hùng, cũng như một cơn gió lốc, mây phủ kịt trời, trận mưa sấm sập, sấm sét ý âm

sống vọt lưng trời, Cảnh tượng gớm ghê như thế mà con người sống say chết ngủ, không biết không hay, đến lúc bụi trần tạm lộng, trọt-tĩnh cơn mê, thì đã dọa máy luân-hồi mất rồi, còn biết đầu mà về nữa) :

H Á N

PHỔ THUYẾT SẮC THÂN

Chư nhân đấng ! thân vi khổ bản, chất thị nghiệp nhân. Nhược tự gĩ thù vi chân, giả thị nhận tặc tác tử, nễ khả tử tế khán lai, chỉ giả sắc thân, vị nhập báo thai chi tiền, na xứ đắc hữu ? Cái do niệm khởi duyên hội, ngũ uẩn hợp thành, thề mạo vọng sinh, hình dong giả xuất. Vong chân vong bản, hiện nguy hiện hư. Hoặc nữ hoặc nam, hoặc nghiê hoặc xú Tận thị lũng tâm phóng khứ, đồ yô thoái bộ hồi quy. Khu tri sinh tử lộ đầu, thất khước Như-lai diện mục. Do thị cung mâu ngoại nhận, thùy tri cổ thủ nội khan. Lại thời sinh thị hóa sinh, đảo xứ mộng trung thuyết mộng. Ba ba lục lục, dịch dịch thông thông, gĩ huyễn vi chân, bội không xu sắc, khổ lâu thọc, quải hoa chãm ngọc, xú bị đại đái sạ huân lan. Tiền la ý khả uùng huyết nang, Điều duyên hoa ngự sĩ niệi dưng Như tư ngoại sức, chung thị uế cần, bất năng giá.

VIỆ T

NÓI VỀ CÁI SẮC THÂN

Các người ơi ! Thân là gốc khổ, chất là nghiệp nhân. Nếu cứ lấy thế làm thực, tức là nhận giặc làm con. Người nên xem lại kĩ càng: Chỉ vì cái sắc thân này, trước khi đầu thai, nơi nào thấy có. Bởi vì mỗi người nôi lên, nhân duyên hội ngộ, ngũ-uẩn hợp thành, mà vọng sinh ra thề mạo, giả hiện ra hình dong. Quên cội gốc thực, hiện hão huyền sâng. Hoặc gái hoặc trai, hoặc tươi hoặc xấu, đều là phóng tâm đi mất. Ạh không lui gót trở về. Rong ruổi đầu đường sinh tử, bỏ quên mặt mắt Như-lai. Bởi thế chỉ nhìn ngoài mặt, không đoái trong thân. Lúc lại sinh là hóa sinh, tới đâu mộng vẫn nói mộng. Rập rờn cuốn cuộn, bối rối loay hoay. Lấy « ảo » làm « chân » trái « không » theo « sắc ». Cẩn xươg khò cái hoa diêm ngọc, túi da bần đeo sạ ướp lan. Cát lương the bọc bao máu

mủ, nhào sơn phấn bôi thùng phân rơ. Ngoài dù chàng điếm như thế, trong vẫn rơ bần gồm giề.

H Á N

Lý tự tâm, phần hướng cá chung trước ái ! Chư nhân đấng ! Đại tự cơ-quan đời lỗi, toàn bằng ty tuyền khiến chừu. Lộng lai lộng khứ giữ sinh đồng, phóng hậu thu thời chân tử dạng. Tự khởi vạn ban kế hiệu, đồ duyên lục tác giao công. Bất ưu lão bệnh tử lai, quân tham tửu sắc tài khứ. Đồ giác rãng đầu oa-giốc, cam vi lợi tỏa danh cương. Nhật gian phí tận kiều cần, giả lý phiến hành mộng tưởng. Tích dắc nghiệp cầu như tỉnh, bất tri mẫn phát tự sương. Nhứt chiêu hoạn nhiệm chăm kha, bách niên chung quy đại mộng. Tâm can đồng thống, phần nhược oan thù, cơ thề xuy vi, chân như nga quý. Thượng dục kì thân đảo mệnh, bất tri tàn vật thương sinh. Tương kì nhất thể đấng trường tưng, bất giác tứ chi chân lâu ốc. Hồn phách tạm quy quỷ-giới, thì hải do ủy nhân gian. Mao phát sỉ trào vị cập tiêu, thế thóa tăn dịch tiền tính xuất. Hủ lạn

VIỆ T

Không biết tự xét sượng sùng, lại cứ quyền luyện thân đê. Các người ơi ! dường như tượng gỗ máy quay, chỉ cây sợi tơ lời kéo. Vật đi vật lại, cũng cùng lối sinh ; Khi phóng khí thu, khác chi xác chết. Tự gây muôn cách so kè, đều bởi sáu căn tranh lộn. Chẳng lo già, ốm, chết theo, chỉ mãi tửu-sắc, tài mãi. Cầu cạnh đầu ruồi tai ếch, cam tâm danh buộc lợi dang. Ban ngày hết sức cầu may, buổi tối hóa ra tưởng mộng. Chứt chừa bốn nghiệp như rặng, biết đầu mái tóc tưa sương. Một mai mắc bệnh nặng nề, trăm năm đều về mộng vu. Tim gan đau sót, tựa nỗi oan thù ; Da thịt hao mòn, kì ác chỉ ma đói. Còn muốn cầu thọ thân thọ mệnh, nào hay đầu hại vật hại sinh. Những mong một kiếp tựa thông già, chẳng hiểu tí chử như nhà dột. Hồn vía tạm về lối quỷ, xác thây còn bỏ cõi người. Tóc, lông, răng, móng chưa kịp tiêu, rớt, rã, bọt hơi đã thấy ứa.

Cô con gái Phật hái dâu

(TRUYỆN BÀ Ỡ-LAN, PHẬT HÓA

LỊCH SỬ TIỂU THUYẾT)

(tiếp theo)

Bà Ấy cúi đầu hôn đi hôn lại vào má cô bé rất yếu đuối nõng-nần. Cô bé cũng hôn vào má bà rồi vội ngừng đầu lên trông vào mặt bà mà kêu to lên rằng :

« - Sao người u róng thế ? »

Bà tím-tím cười đáp lại, thì bà tự thấy chân tay bủn-ran, đầu óc choáng váng và hoa cả mắt ra, Bà bảo cô bé :

« - Có Cám của chị để, giắt chị vào đường »,

Cô bé sợ hãi mê man vội tụt xuống lòng bà và trèo qua ngưỡng cửa bức bàn giắt bà vào trong nhà.

Cô bé Ấy chính là Ỡ-lan Phu-nhân ngày còn nhỏ, Bà đánh xuối Ấy là Vũ-thị, thân mẫu của cô chánh-thất ông Huyện Lê, chủ-nhân cái gia-nghiệp đó. Bấy giờ là đời nhà Lý, chưa có khoa cử đề thi lấy ông Cử ông Nghè ra làm quan nhưng Nho-học cũng như Phật học đều vẫn thịnh, Triều đình dùng nhân-tài bằng cách cử-tri, ông nay họ Lê ở làng Thổ-lôi vốn là một nhà Nho-học tích-thâm và có tiếng đạo đức, được quan địa-phương cử-tri, Triều đình bổ cho chức Tri-huyện. Vì ông cương-trực, không biết thủ phụng quan trên, nên đã lâu nay vẫn cứ lẹt-đẹt ở ngôi Tri huyện đi khắp mọi nơi. Ông lại thanh-liêm, tận tâm với chức vụ, chẳng hề lấy một tờ-bào của đất lót và cũng ít khi về thăm nhà. Vợ con vẫn làm ăn nuôi nhau, thỉnh thoảng mới đến chỗ làm quan thăm ông ít bữa rồi lại về nhà ngay.

Ông Huyện Lê là một người giòng dõi của một nhà thế-gia có tiếng trung-hậu xưa nay, tiền nhân để lại cho một cái gia-nghiệp khá vậy, tức là ngôi nhà thờ, cửa nhà có vẻ cốt cách nhưng giàu sắn chẳng được là bao, đời đời chỉ nhờ cái gia-phong cần-kiệm và cái lộc thi-thư

nghĩa là cái lộc di dạy học mà duy-tri được. Phàm những cửa nhà đồ đạc ở trong cái gia nghiệp trên ấy đều là của tiền-nhân lưu lại chứ ông Huyện Lê chẳng hề xâm xửa thêm được chút gì gọi là cái lộc của di làm quan. Coi đó đủ biết gia-phong trong-sạch và đức hạnh ông Huyện Lê. Nhưng ông Huyện Lê mà sở dĩ giữ được đức trong-sạch hết lòng việc nước việc dân, không làm điểm nhục đến gia-thanh cũng là nhờ có người nội trợ hiền đức là bà Vũ-thị này giúp cho nữa. Chứ nếu bà lại kiêu hoang biếng nhác, lên mặt quyền-môn quan-cách như cái lối chồng quan vợ hờm khác, thì ông Huyện Lê vị tất đã không phải muối mặt bán dê trung biểu đi để eung cái thú khoái lạc xa-hoa cho vợ con. Bà Vũ-thị tức là Bà Huyện-lê, cũng như nhiều bậc đức-phụ đã đào-tạo đức hay tính tốt cho chồng cho con ngày xưa. Bà có học thức, có nhan-sắc lại có nết ả, là rất giỏi về công việc tề-gia nội-trợ, mặc sức ông tang-bồng hồ-thả bốn phương, giúp dân giúp nước, bà chỉ ở nhà trông coi gia nghiệp sinh-hoạt lối bình dân, đất lành què thối. Nào việc canh-nông, nào việc nuôi tằm dệt củi, bà một tay làm ăn tháo-vat. Trên nuôi mẹ già, dưới nuôi con bé, giỗ lễi trong họ; đóng góp ngoài làng, đều do cái công-sức làm ăn vất vả của bà mà lo liệu đủ. Lại còn giúp đỡ cho nhiều người túng thiếu trong họ ngoài làng kẻ quan tiền người túng thóc, chứ không thì bà có thể giàu to được.

Hiếm vì một nỗi hiếm-hoi tử-tức, mãi ngoài 30 tuổi bà cầu đảo rất thành ở chùa Linh-nhân là chùa làng mới sinh được một mụn con gái đặt tên là Yến. Bà rất mộ đạo Phật nên có đạo-hiệu là Tịnh-nương. Có con gái quý lọt lòng ra đời bà vội đem ra chùa làm lễ bán vào cửa Phật, sư theo đạo hiệu của mẹ mà đặt cho là Khiết-nương, nhưng theo tục quê, nhà hiếm hoi, bà đặt cho cô con gái quý của bà một cái tên xấu-xí là « Cái Cám », lớn lên gọi là Cô Cám. Bà rất thích người ta cũng như bà.

gọi con gái quý của bà là cô Cám hơn là những cái tên cao quý kia.

Thói đời thì vẫn hay quý con gái hơn con trai, nhưng theo ý bà, bà thấy cô gái con trời con Phật đã cho bà ấy, ngày càng tốt-tươi, ngoan-ngoãn, nhân hiền mà người ta gọi là một tòa ngọc-nữ trên chùa thì bà cũng đủ lấy làm sung-xướng; đủ an-ủi cõi lòng những khi vắng chồng, mẹ con bầu bạn, đủ thú vui cho cái đời sống tần-tảo gian-lao của người vợ nhà nho-sĩ xưa kia.

Bà biết rằng ông Huyện Lê cũng lấy làm vui lòng được đưa con gái quý-hóa ấy vì bà thấy cái tình yêu đương đầm ấm cô gái bé của ông Lê lộ ra mỗi khi cha con chồng vợ gặp nhau.

Hoặc-giả cũng là do cái số-phận long-dong của cô con gái hiếm của bà, như câu cổ-nhân thường nói : « những người đại-dụng, trời thường bắt chịu qua những cảnh gian-nan để luyện đức lấy tài lành đức tốt » nên từ vài năm nay bà bỗng bị chứng bệnh huyết hư, đau yếu luôn, thuốc-thang gì cũng không khỏi. Chồng thì vắng nhà, con thì trứng-nước, bà vẫn lo thăm bện bụng, mà vẫn gượng làm ăn. Hôm ấy ngoài chùa có lễ, người bà khó ở, mà cũng phải gượng đưa con ra chùa lễ Phật, nửa chừng thấy ngấy sốt phải giắt con về. Về đến nhà thấy đang lúc trời xuân khí mát, bà tiếc việc đem xuôi ra lấy tờ mặc cửi và gọi con đem sách ra đọc cho mình nghe, đang cảm vì tình âu yếm não-nùng với cô bé thì cái bệnh sốt ác lại bốc lên dưng-dưng khiến cho bà không còn đủ sức gượng lại được nữa. Cô Cám từ đó bị xa vào đường đời vất-vả chân-chuyên.

II. — TÍNH TRỜI TRÍ HIẾU

Đêm đông đã khuya, trời tối như mực, gió bắc gào từng cơn lại điềm 5, 3 hạt mưa bụi làm hoa rét.

Các nhà trong xóm ngoài làng Thổ-lỗi đều tắt đèn ngủ yên. Trên ngoại đa ngoài mười vườn chùa, con cú già cũ thông thả buông ra những tiếng « gióng một » như dịp trống khêu, khiến cho cái đêm tịch-mịch u-âm thêm có vẻ ghê-dợn.

Bấy giờ nếu có ông già bà cả nào còn thức nghe thấy tiếng cú kêu ấy, tất người ta rất lấy làm lo sợ về cái điềm gở ấy và sẽ thi-thảo khế bảo nhau : « Con cú thần nó đã về kêu, tất trong xóm có sự chẳng lành », nghĩa là sẽ có người chết. Người ta đã kinh-nghiệm nhiều như vậy nên gọi con cú ấy là con cú thần. Thế rồi tất các ông bà ấy bí mật làm phép để đuổi con quái-vật ấy đi tha phương, như cái phép gởi ngăm cái đĩa cả xuống đất ông đồ-dau cái, ấy ngày xưa đối với cái tiếng cú kêu có cái giọng buồn rầu lúc đêm thanh cảnh vắng, người ta tin như thế chứ ai biết đâu cú kêu chỉ là nó đi kiếm mồi dinh chuột má thôi. Đã tin là một cái điềm gở có hại đến số-mệnh người ta, thì đủ biết người ta lấy làm lo sợ là dường nào. Đến người lớn nghe thấy tiếng cú còn ghé mình nữa là trẻ con. Trẻ con lúc ấy đưa nào trượt thức giậy mà nghe thấy tiếng cú thì trúi đầu kín vào trong chăn trong chiếu, nằm nép vào người lớn và lén im thin thít không dám thở.

Thế mà một nhà ở xóm gần chùa kia, một bà chủ-phụ ốm nặng đắp chăn hờ mặt nằm ruỗi thẳng ở trong cái mùng trên cái giường « Bình-phụng », dưới ánh sáng le-lói của ngọn đèn thâu-dầu trên cây đèn sơn theo đầu dướng thờ gian giữa soi ra. Dưới ngưỡng cửa bức bàn về gian bên, một người đau bà đã có tuổi ngồi vừa ngủ gật vừa cầm cái quạt phe-phây quạt hỏn lò hám thuốc, tỏ ra một người nói chuyện cũ đã lâu mà mỗi mệt. (còn nữa)

THỜI SỰ

TIN TRONG NƯỚC

Kết quả cuộc xổ số Đông-Dương

Hồi 8 giờ sáng hôm 7 Jun tại nhà Hát Thành phố đã
xổ số Đông-dương bộ thứ nhất, kỳ phát hành thứ hai về
năm 1939.

Những vé có hai con số sau cùng là :

18 và 97 trúng 10p

Những vé có 3 con số sau cùng là :

769 và 997 trúng 25p

Những vé có 3 con số cuối cùng là : 492 trúng 50p.

Những vé số sau này trúng 100p

001.764	002.689	007.379	008.402	011.532	013.568
005.738	018.173	026.236	027.133	028.139	029.467
032.477	032.658	034.864	035.290	006.719	048.588
051.226	051.415	052.933	061.443	062.784	063.804
004.162	066.432	071.788	075.080	075.124	076.772
077.054	078.874	081.573	081.847	083.006	083.965
084.706	084.917	091.287	092.138	093.948	094.621
095.772	098.533	100.354	102.744	110.791	112.354
112.377	117.542	118.270	123.277	130.701	130.985
133.781	136.783	137.461	143.419	145.779	149.285
150.368	154.026	51.012	155.424	155.519	157.096
158.393	169.325	165.259	169.421	169.767	172.864
173.654	181.908	182.787	183.753	186.728	189.693
189.725	197.827.				

16 số trúng 500 đồng :

006.060	013.263	056.661	059.361	076.702	082.558
094.335	084.133	091.643	103.054	110.662	114.177
159.426	159.042	161.176	167.514.		

8 số trúng 1.000 đồng :

017.886 043.094 043 506 057.069 080 595 094.597
170.217 172.976.

Số trúng 4.0000 đồng :

155.668

Các ông Tổng Lý đã biết quý cái triệu đồng

Theo tin báo Việt-đức ở Hanoi, ra ngày 14 Juin 1939, ở Hải-dương có 24 viên Trưởng-bạ, ở Thái-bình có 16 viên Tổng-lý đem nộp triệu đồng cho quan trên vì những cơ sau này :

— Ở Hải-dương, ngày 6 Mai, Viên Xếp Hanh sở Địa-chính trên tỉnh về khám sổ-sách địa-bạ ba tổng Đông-am Ngãi-am, và Thượng-am, Phủ Vĩnh-bảo, tại đình làng Hàm dương. Trưởng-bạ làng Hậu-am đang loay hoay chưa kịp giải địa đồ thì bị Xếp Hanh đánh viên ấy, đánh rách cả áo lương. Trưởng bạ làng Lôi-trạch thì đề sọt một vệt phẫn trên bản đồ cũng bị Xếp Hanh tát. Thấy thế, các Trưởng-bạ kia đều phản đối, viên Xếp thấy họ phản đối liền dận, bỏ không khám nữa mà ra xe về phủ. Tối chiều hôm ấy 24 người Trưởng-bạ cùng đem triệu đồng, sổ sách lên nộp Quan Phủ xin từ chức cả.

— Ở Thái-bình mới đây, 16 viên Tổng-Lý ở hai tổng Dục-linh, Tổ-xuyên, huyện Phù-dực, không biết họ vì lỗi gì mà quan Huyện Phù-dực phạt bắt 16 người phải qui ở trước sân, bỏ lấy làm nhục vì ách phạt ngoại phép-luật. nên họ đưa đơn trình quan Thống-sứ xin đòi quan Huyện đi. Ngoài 2 tuần lễ không thấy gì, 16 viên Tổng-Lý đem cả bằng sắc và 16 cái triệu đồng lên nộp quan trên và xin từ chức.

Ở các nước văn minh, người làm việc công, nhỏ từ hương-bội, lớn đến Thượng-thư một bộ, hễ gặp việc trái với chức-vụ mình là người ta từ chức luôn. Thế là người ta trọng chức-vụ mà coi nhẹ lợi-lộc mình.

Còn ở nước ta, kẻ làm việc công dù bị ức nhục thế nào cũng cố giữ lấy chức-vị cho toàn lợi-lộc, thế là họ trọng cái phần lợi mình mà coi dễ chức vị. Nay một hồi, ở 2 tỉnh, mà có đến 40 viên chức Lý-dịch vì bị ức-nhục mà đem nộp triện, xin từ chức. Thế là các ông Lý-dịch ở ta đã biết quý cái giá-trị của cái triện-đồng tức là biết trọng chức-vụ hơn lợi riêng mình rồi.

TIN THẾ-GIỚI

Tin Berlin 9 Juin. — Chính-phủ Đức đã thi hành những phươg-pháp rất ngặt ở Tiệp. Vì một cảnh binh Đức bị giết ở tỉnh Klodno. Hàng trăm chiếc se amions chở lính thị-uy đi khắp tỉnh. Các trường học và các nhà đều bị đóng cửa. Hội-đồng thành phố, viên xã trưởng và các cảnh binh đều bị bãi. Hội-đồng cai trị thành phố đã thiết lập.

Tình hình tỉnh Kladno bây giờ bình như ở dưới chế độ Thiết-quân-luật.

Tin Đông-kinh 11 Juin — Tàu lại nhờ anh và Nga giúp đỡ trong cuộc kháng Nhật.

Vương-chính-Đình tổng-trưởng bộ ngoại giao đã sang Luân-đôn để vận động với chính-phủ Anh lại cho Tàu vay và yêu cầu các yếu nhân trong chính-phủ Anh và cả thủ-tướng Chamberlain nữa. để can thiệp vào cuộc sung đột có hiệu lực. Chính-phủ Anh đã nhận lời. Sau những cuộc Hội-kiến với các yếu nhân chính phủ Anh. Vương lại đi ngay Mặc-tu-Khoa cũng cùng một mục đích ấy.

Trung Nhật chiến tranh

Tình hình các mặt trận vẫn đánh nhau cầm chừng.

Chính-phủ Trung-Hoa đã hạ lệnh bắt Uông-tinh-Vệ.

Nguyên từ mấy tuần lễ trước đây, chính-phủ Trung-Hoa đã tiếp được ngàn bức điện tín của dân Tàu trong

nước và kiều cư ngoại quốc gửi về phản đối Uông-tính. Vê và yêu cầu nghiêm trị kẻ bán gian.

Tin ở Londre 12 Juin Arip. - Pháp và Thổ đã lập xong bản hiệp ước tương trợ. Đại-sứ Pháp ở Thổ đã trao cho ngoại-giao Tổng-trưởng Thổ bản dự-thảo cuối cùng về Hiệp-ước Pháp. chỉ nay mai là Hai bên sẽ trao đổi chữ ký.

Thiên-Tân 13 Juin. -- Nhật thi hành lệnh phong-lỏa tô-giới Anh-Pháp. -- Sự di lại bị khám xét rất ngặt.

Viên tổng-chỉ-huy quân Nhật ở Thiên-Tân chiều hôm nay đã tuyên-cáo lệnh cấm đi lại từ khu người Tàu và người Nhật ở với các tô-giới Anh, Pháp bắt đầu từ 6 giờ sáng thứ tư 14 Juin. Các cầu quốc-tế sẽ đóng từ 6 giờ sáng đến 12 giờ đêm, còn các đại lộ Yamaguchi, Asahi, Fugo, Taiyo và đường trường đua ngựa của Anh sẽ cấm đi lại 6 giờ sáng đến 10 giờ đêm. Những hành khách và xe cộ sẽ phải để cho các nhà đương-cục Nhật khám. Ai trái lệnh trên kia sẽ bị phạt.

Trong tờ tuyên cáo của viên tổng-tu-lệnh quân-đội Nhật ở Thiên-tân buộc tội các nhà đương chức Anh mấy điều như sau này :

- 1) Bảo-Hộ cho đăng cộng-sản và các phần tử bài Nhật.
- 2) Ủng-Hộ đồng bạc Tàu mà làm cản trở sự hiện hành các giấy bạc của nhà ngân Hàng Liên-hiệp ở miền Hoa-Bắc.
- 3) Trong trường che dùm những sách bài Nhật.
- 4) Cho dùm những máy vô tuyến-điện không khai báo.

Thượng-hải 13 Juin. -- Viên phát ngôn ở tòa đại sứ Nhật tuyên bố rằng : nếu những việc lỗi thời xảy ra nghiêm trọng, quân Nhật có thể chiếm cứ tô-giới ở Thượng-Hải.

KINH TRÌNH CÁC GIÁO-HỮU VÀ
THẬP-PHƯƠNG THIÊN-TÍN

Trước đây Hội ủy M. Đoàn-văn-Liệu đi thu tiền cho Hội, xong xét ra việc thu tiền ấy chưa được liền lắm.

Nên Hội-đồng quản-trị Hội Phật-giáo Bắc-ky đã họp Hội-đồng ngày 15 Mai 1939 đã giao toàn quyền việc thu tiền niên liêm của các giáo-hữu theo về Trưng-trong cho ông Nguyễn-hữu-Kha là Trưởng-ban Hộ-niệm của Hội tổ chức một ban đi đến từng nhà riêng các vị Hội viên thu tiền Hội cho được chu đáo.

Các Hội-viên qua lại Hội-quản trong khi lễ sai nếu muốn tiền đồng tiền thì cũng cứ giao cho ông Kha và lấy giấy biên lai chính thức ngay.

Những số tiền của Hội viên cũng góp sẽ do ban kế toán vào sổ thu, rồi giao sang ông Tổng Thủ-quý Lê-Toại nhận giữ.

Vậy có mấy lời kính cáo đề các ngài hội viên liệu biết.

Ban Trị sự Hội Phật-giáo Bắc-ky
Kính cáo

QUAN ÂM LINH CẨM LỤC

Một bộ sách chép toàn sự thực đức Quan-âm độ cho thập phương, tại qua nạn khổ, tạt bệnh tiêu trừ, sở cầu như ý, sở nguyện lòng tâm Ai muốn biết rõ phép tri-tụng và sự lợi ích thế nào, cần phải đọc kỹ bộ sách này mới rõ.

Giá bán 0\$10 ở xa gửi thêm 4 xu cước.

Các Ngài muốn mua kính sách xin gửi thư cho M. Nguyễn hữu-Kha N° 73 Richaud Hanoi.

KINH TẶNG

CUỐN BÁT-NHÃ TÂM KINH GIẢNG NGHĨA

Vừa mới in xong, ai muốn thỉnh cứ lại chùa Quán-Sứ N° 73 Richaud hay N° 26 Phố Harmand mà thỉnh.

Ở xa xin gửi thêm 0\$10 cước.

CÙNG CÁC VỊ ĐÀ ĐẠT THỦY XÂM

Thủy Xâm quyền trung hiện đang in, chừng đến rằm tháng bảy ta thi song, khi song xin gửi bản các Ngài ngay.

KÍNH CÁO

Báo Đuốc-Tuệ số 110 kỳ 15 Juin này, vì công việc bán chưa ra kịp, nay Bản-báo hoãn đến hôm 30 Juin này. Vây Bản báo có lời kính cáo để các giáo hữu biết.

GIẤY NÓI

Số 836: Cụ Chánh Hội-trưởng, Thái-hà-ấp.

Số 832: Nhà in Đ. T chùa Quán-sứ, số 73 Richaud Hanoi

Imp. ĐUỐC-TUỆ

Quản-ly CUNG-ĐÌNH-BÌNH